

## BÁO CÁO

### **Công khai số liệu thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý II năm 2021**

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT/BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình “ về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021”;

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình báo cáo như sau:

#### **I. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý II năm 2021**

##### **1. Nội dung công khai**

Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý II năm 2021 theo Biểu số 3- Ban hành kèm theo thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính.

**2. Hình thức công khai:** Niêm yết công khai trên website của Sở tư pháp Ninh Bình (sotuphap.ninhbinh.gov.vn)

**3. Thời điểm công khai:** Ngày 15/7/2021

#### **II. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý II năm 2021**



**1. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách:**

**2. Dự toán chi ngân sách nhà nước**

**a. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**

- Kinh phí được giao trong năm 2021: dự toán giao đầu năm 500.000.000đ
- Kinh phí đã sử dụng trong quý II/2021: 193.893.039đ
- Kinh phí đã sử dụng đến hết quý II/2021: 359.255.423 đ đạt 24.9% so với

dự toán giao.

**b. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**

- Kinh phí được giao trong năm 2021: 47.000.000đ
- Kinh phí đã sử dụng đến hết quý II/2021: 0đ

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý II năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ đầu giá tài sản tỉnh Ninh Bình./.

**Nơi nhận:**

- Website STP;
- Lưu KT, VT.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**GIÁM ĐỐC**

*Lã Khắc Khánh*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Đơn vị: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình**

**Chương: 414**

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH QUÝ II**  
**NĂM 2021**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý II/2021	So sánh	
				Dự toán (tỷ lệ %)	Cùng kỳ năm trước (%)
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
1	Chi sự nghiệp				
2	Chi quản lý hàng chính				
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>				
<b>1</b>	<b>Nguồn kinh phí chi thường xuyên: 13</b>	661.000.000			
	<b>-Mục 6000: Tiền lương</b>	<b>260.000.000</b>			
	+Tiêu mục 6001: Lương ngạch, bậc		66.748.726	25%	120%
	+Tiêu mục: 6099: Lương hợp đồng		11.265.966	4%	39%
	<b>-Mục 6100: Phụ cấp lương</b>	<b>12.000.000</b>			
	+Tiêu mục 6101: Phụ cấp chức vụ	12.000.000	2.823.550	23%	90%
	+Tiêu mục 6113: Phụ cấp trách nhiệm				
	<b>-Mục 6300: các khoản đóng góp</b>	<b>64.000.000</b>			
	+Tiêu mục 6301: Bảo hiểm xã hội	45.000.000	7.465.273	15%	33%
	+Tiêu mục 6302: Bảo hiểm y tế	6.000.000	1.279.761	21%	33%
	+Tiêu mục 6303: Kinh phí Công đoàn	10.000.000	5.358.636	53%	250%
	+Tiêu mục 6304: Bảo hiểm thất nghiệp	3.000.000	426.587	14%	41%
	<b>-Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng</b>	<b>15.000.000</b>			

+Tiêu mục 6501: tiền điện	12.000.000	2.680.108	22%	117%
+Tiêu mục 6502: tiền nước	3.000.000	2.727.432	90%	91%
<b>Mục 6550: Vật tư văn phòng</b>	<b>24.000.000</b>			
+Tiêu mục 6551: Văn phòng phẩm	12.000.000	13.874.000	115%	-
+Tiêu mục 6552: Mua sắm dụng cụ VP	6.000.000			
+Tiêu mục 6553: Khoán văn phòng phẩm				
+Tiêu mục 6599: Tiền vật tư văn phòng	6.000.000			
<b>-Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền</b>	<b>8.000.000</b>			
+Tiêu mục 6601: Cước phí điện thoại	500.000	66.000	13%	93%
+Tiêu mục 6603: cước phí bưu chính				
+Tiêu mục 6605: Cước phí Internet	3.000.000	627.000	21%	99%
+Tiêu mục 6608: Báo, Tạp trí				
+ Tiêu mục 6649: khác	4.500.000			
<b>Mục 6700: công tác phí</b>	<b>30.000.000</b>			
+ Tiêu mục 6704: Khoán công tác phí	30.000.000	7.400.000	25%	100%
<b>-Mục 6900: Sửa chữa tài sản thường xuyên</b>	<b>80.000.000</b>			
+Tiêu mục 6912: Sửa chữa thiết bị tin học	10.000.000			
+Tiêu mục 6913: Sửa chữa thiết bị Văn Phòng	60.000.000	18.350.000	30.5%	
Tiêu mục 6949: Sửa chữa khác	10.000.000	12.800.000	128%	
<b>-Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn</b>				
+Tiêu mục: 7012: Sách, tài liệu, chế độ dùng				
<b>Mục 7750: Chi khác</b>	<b>8.000.000</b>			
+ Tiêu mục 7756: Chi các khoản phí				
+ Tiêu mục 7761: Chi tiếp khách	8.000.000			
+Tiêu mục 7799: Chi các khoản khác				
<b>Mục 7950: Chi lập các quỹ của đơn vị</b>	<b>160.000.000</b>			
+Tiêu mục 7951: Quỹ bổ sung thu nhập	90.000.000	20.000.000	22%	
+ Tiêu mục 7952: Quỹ phúc lợi	50.000.000	20.000.000	40%	
+Tiêu mục 7954: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	20.000.000			
<b>Nguồn kinh phí chi không thường xuyên:12</b>	<b>47.000.000</b>			
+Tiêu mục 6552: Mua sắm cc, dụng cụ VP				
+Tiêu mục 6955: Tài sản và thiết bị văn phòng				
+ Tiêu mục 6999:				
+ Tiêu mục 7053:				

Ngày 15 tháng 7 năm 2021

Người lập

Nhung  
Nguyễn Thị Hồng Nhung

Thủ trưởng đơn vị



GIÁM ĐỐC

Lã Khắc Khánh